

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 19/2022/DS-ST

Ngày: 12 - 4 - 2022

“V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Y Míp Niê.

2. Ông Lê Đăng Huân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng không tham gia phiên tòa.***

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 389/2021/TLST- DS, ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐST - DS ngày 14 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST – DS ngày 29 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Lý Thị Hải Y. (Có mặt).

Địa chỉ: Số 08 Nguyễn Thái H, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

- ***Bị đơn:*** Bà Bùi Thị B. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Lý Thị Hải Y trình bày:** Do có quan hệ quen biết và kinh doanh phân bón, nên bà có bán phân bón cho bà Bùi Thị B. Cụ thể bà đã bán cho bà B các loại phân: Loại vi sinh gà 10 bao x 225.000đ/bao = 2.250.000đ; vi sinh tiêu 20 bao x 200.000đ/bao = 4.000.000đ; NPK mùa khô 5 bao x 420.000đ/bao = 2.100.000đ. Thành tiền là 8.350.000đ. Với hình thức đầu năm bà giao phân bón và cuối năm bà B trả tiền. Đến ngày 26/3/2019 bà và bà B tính toán và chốt sổ nợ, theo đó bà B xác nhận còn nợ bà số tiền 8.350.000đ (Tám triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi chốt sổ bà và bà B thỏa thuận đến 15/12/2019 (AI) bà B sẽ trả nợ. Sau đó bà đã đòi nợ nhiều lần nên bà B đã trả cho bà 1.000.000đ (Một triệu đồng). Hiện bà B còn nợ bà số tiền 7.350.000đ (Bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Nay đã quá hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng bà B vẫn không trả nợ. Nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bùi Thị B phải trả cho bà số nợ gốc

7.350.000đ và nợ lãi theo qui định pháp luật tính từ ngày 15/12/2019 (AI) cho đến khi trả hết nợ.

- **Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Bùi Thị B trình bày:** Quá trình trồng tiêu và cà phê bà có mua phân bón của bà Y nhiều lần. Bằng hình thức đầu năm bà Y giao phân và cuối năm bà trả tiền. Bà đã mua của bà Y tổng cộng 35 bao các loại (loại 25kg/bao). Gồm các loại vi sinh gà 10 bao x 225.000đ/bao = 2.250.000đ; vi sinh tiêu 20 bao 200.000đ/bao = 4.000.000đ; NPK mùa khô 5 bao x 420.000đ/bao = 2.100.000đ. Tổng số tiền bà nợ là 8.350.000đ. Đến ngày 26/3/2019 chúng tôi chốt sổ nợ và xác nhận bà còn nợ của bà Y 8.350.000đ, và bà có ký vào sổ nợ phân bón cho bà Y. Hẹn đến 15/12/2019 (AI) sẽ trả hết số tiền còn nợ cho bà Y.

Tuy nhiên hiện nay do tiêu đã chết không có nguồn thu để trả nợ cho bà Y nên bà mới trả được cho bà Y 1.000.000đ, còn nợ lại 7.350.000đ.

Nay bà Y khởi kiện yêu cầu bà phải trả số tiền còn nợ và tiền lãi theo qui định pháp luật thì bà đồng ý trả. Tuy nhiên vì điều kiện kinh tế khó khăn bà đề nghị bà Y xem xét cho bà trả dần trong năm 2022.

Vì các bên đương sự không thỏa thuận được về thời hạn trả nợ nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, HĐXX thấy rằng: Giữa bà Lý Thị Hải Y và bà Bùi Thị B có thực hiện giao dịch mua bán tài sản là phân bón, bằng hình thức giao phân bón đầu năm và cuối năm trả tiền. Hai bên thống nhất đến 15/12/2019 (AI) sẽ trả đủ tiền và không thỏa thuận lãi suất. Do bà B vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên đã khởi kiện tại Tòa án. Vì vậy HĐXX xác định quan hệ pháp luật giữa các bên là tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Xét nguồn gốc số nợ của bà Y và bà B có nguồn gốc từ việc mua bán phân bón với nhau theo hình thức đầu năm nhận phân, cuối năm trả tiền. Căn cứ vào giấy mua bán phân bón ngày 26/3/2019 thì bà Y đã bán cho bà B các loại phân bón với số tiền 8.350.000đ và đã trả được 1.000.000đ, các bên thống nhất đến ngày 15/12/2019 (AI) sẽ trả đủ và không thỏa thuận lãi suất.

Vì vậy căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và lời trình bày của đương sự có trong hồ sơ vụ án. HĐXX xét thấy việc bà Y khởi kiện bà B về việc yêu cầu trả nợ do vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng mua bán tài sản về số tiền gốc 7.350.000đ là có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên trong giấy nợ không thể hiện lãi suất nên bà Y yêu cầu tính lãi suất chậm trả từ ngày vi phạm nghĩa vụ là có căn cứ theo qui định của pháp luật. Vì vậy để đảm bảo

quyền lợi cho đương sự Tòa án buộc bà B phải trả lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho bà Y được qui định tại Điều 357, khoản 3 Điều 440 BLDS.

Vậy số tiền lãi bà B phải trả cho bà Y từ ngày 16/12/2019 AL (10/01/2020 DI) đến ngày xét xử (ngày 12/4/2022) của số tiền gốc còn lại là $(7.350.000đ \times 0,83\%/tháng) \times 27$ tháng 02 ngày = 1.651.202đ.

Từ phân tích trên, HĐXX nhận thấy cần buộc bà B phải trả cho bà Y số nợ gốc là 7.350.000đ và nợ lãi là 1.651.202đ. Tổng gốc và lãi là 9.001.202đ.

Áp dụng Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS để tính lãi suất chậm thi hành án.

[3]. Về án phí: Bà Bùi Thị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, mức án phí phải chịu là: $9.001.202đ \times 5\% = 450.000đ$ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

Do yêu cầu khởi kiện của bà Y được chấp nhận nên sẽ được hoàn trả số tiền án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 143, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 430, 440, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Hải Y.

1. Buộc bà Bùi Thị B phải trả cho bà Lý Thị Hải Y số tiền 9.001.202đ (Chín triệu không trăm lẻ một nghìn hai trăm lẻ hai đồng). Trong đó: Gốc: 7.350.000đ, lãi: là 1.651.202đ.

Trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Bùi Thị B còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị B phải chịu 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

Hoàn trả cho bà Lý Thị Hải Y số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số 0003190 ngày 20/12/2021.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lương Thị Ngọc